TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/DS-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Đình L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A H, Khu phố H, phường K, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Đình L: Bà Ngô Thị Kim D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số D T, Khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền ngày 18/9/2025). Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số C, ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Bé T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số C, ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do cần vốn để trồng trọt và chăn nuôi nên vào ngày 24/9/2022, ông Nguyễn Văn T có vay của ông Đặng Đình L 50.000.000 đồng; sau đó ngày 01/10/2022 ông

Nguyễn Văn T vay thêm 50.000.000 đồng của ông L với lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 24/12/2022 (đối với 2 khoản vay). Khi ông L cho ông T vay tiền thì ông T có viết, ký vào giấy biên nhận vay tiền giao cho ông L giữ. Ông L đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng cho ông T.

Khi đến hạn trả nợ ông L đã liên hệ ông T đòi nợ nhiều lần nhưng ông T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông L. Từ khi vay đến nay, ông T chưa trả cho ông L tiền gốc, chỉ trả lãi được 3.000.000 đồng cách nay khoảng một tháng.

Do ông T vay tiền để chăn nuôi và trồng trọt, phục vụ kinh tế gia đình nên ông Đặng Đình L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Mai Bé T1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền vay gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/12/2025 là 163.080.000 đồng (tính mức lãi suất 1,66%/tháng). Đồng ý trừ 3.000.000 đồng ông T đã trả vào tiền lãi nên yêu cầu ông T và bà T1 liên đới trả 160.080.000 đồng (vốn 100.000.000 đồng, lãi 60.080.000 đồng), yêu cầu trả lãi tiếp tục từ ngày 01/01/2026 cho đến khi trả hết nợ đối với nợ gốc với mức lãi suất 1,66%/tháng và lãi suất chậm trả 10%/năm đối với nợ lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T thừa nhận vào ngày 24/9/2022 ông có vay của ông Đặng Đình L số tiền 50.000.000 đồng và ngày 01/10/2022 ông vay thêm của ông L số tiền 50.000.000 đồng. Thỏa thuận thời gian trả nợ là ngày 24/12/2022. Ông T có viết ký tên vào biên nhận nợ giao cho ông L giữ, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, mục đích vay tiền là để trồng mít và nuôi dê. Do làm ăn chăn nuôi thua lỗ và trồng trọt bị vỡ đê bao cây trồng bị chết nên chưa thanh toán được khoản nợ trên cho ông L khi đến hạn. Từ khi vay tiền đến nay ông T mới trả cho ông L được 3.000.000 đồng tiền lãi, trả cách nay khoảng một tháng.

Trước yêu cầu của ông L thì ông T đồng ý trả tổng số tiền gốc, tiền lãi và lãi chậm trả theo yêu cầu của ông L nhưng xin ông L xem xét cho ông trả dần theo từng đợt ông bán dê và thu hoạch cây trồng, ông không có khả năng trả nợ một lần. Ông T cho rằng sau khi vay tiền của ông L về thì ông có nói cho vợ là bà Mai B Thảo biết, mục đích ông vay tiền để làm kinh tế gia đình là trồng mít và nuôi dê.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Bé T1 trình bày:

Bà Mai Bé T1 và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, việc ông T vay tiền ông L thì bà T1 không biết, đến khi Tòa án gửi giấy mời bà T1 mới biết. Do công việc và tài chính của vợ chồng độc lập với nhau nên bà T1 không đồng ý cùng liên đới trả nợ khoản vay mà ông T vay ông L.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ quan điểm đã trình bày và yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu xin trả dần của ông T; bị đơn đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc, nợ lãi và yêu cầu về lãi chậm trả, xin nguyên đơn cho trả dần, ngoài ra còn trình bày bổ sung: Ông T và bà T1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung, hiện tại vợ chồng đang

sống chung với ba, mẹ ông T và 02 con chung, về chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình thì ông T và bà T1 tùy điều kiện, hoàn cảnh mà cùng nhau đóng góp vào, không giao tài chính gia đình cho một người quản lý, vợ ông là giáo viên mầm non, có nguồn nhập thường xuyên là lương hàng tháng, còn ông L thu nhập từ nguồn trồng trọt và chăn nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư trú tại ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về khoản vay đã quá hạn, bị đơn vi phạm nghĩa vụ, cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ do bị đơn viết và ký tên, đồng thời bị đơn cũng thừa nhận toàn bộ và đồng ý trả nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể, giữa đại diện nguyên đơn và bị đơn thống nhất nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử (31/12/2025) với mức lãi suất 1,66%/tháng là 63.080.000 đồng, đồng ý trừ 3.000.000 đồng ông T đã trả cho ông L vào tiền lãi nên nợ lãi còn 60.080.000 đồng. Đồng ý lãi suất chậm trả từ ngày 01/01/2026 cho đến khi thanh toán xong khoảng nợ gốc 100.000.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng và lãi suất 10%/năm đối với nợ lãi chậm trả kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đến khi trả xong nợ lãi. Nhận thấy sự thống nhất và thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 Bộ luật Dân sự và Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về việc bị đơn ông Nguyễn Văn T xin trả dần nhưng không được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý. Nhận thấy, ông T vay tiền của ông L đã quá hạn trả nợ nhưng ông T không trả là đã vi phạm nghĩa vụ của người vay theo nội dung hợp đồng, ông L khởi kiện là có căn cứ. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự có quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: " Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…", không có quy định cho trả dần nên đề nghị xin trả dần của ông T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ liên đới của nguyên đơn đối với vợ ông T là bà Mai Bé T1: Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà Mai Bé T1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi chậm trả cho ông L, ông T đồng ý nhưng bà Mai Bé T1 không đồng ý vì cho rằng tài chính vợ chồng độc lập nên nợ của ai người đó trả. Nhận thấy, ông T và bà T1 là vợ chồng hợp pháp đang sống chung nhà và có 02 con chung, ông T vay tiền của ông L là để chăn nuôi, trồng trọt phục vụ kinh tế gia đình, vợ chồng ông T, bà T1 sống chung nhà nên mọi chi tiêu trong gia đình đều cùng nhau san sẻ, không thể tách bạch được, căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì: Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30…; Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này; Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản đối với nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Đối chiếu với các quy định trên thì bà Mai Bé T1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch vay tiền do ông Nguyễn Văn T thực hiện đối với ông Đặng Đình L là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Các điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Đình L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Bé T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Bé T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Đình L số tiền 160.080.000 đồng (trong đó có 100.000.000 đồng tiền vay gốc và 60.080.000 đồng tiền lãi).

2. Kể từ ngày 01/01/2026 cho đến khi trả xong nợ gốc, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với người được thi hành án thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 1,66%/tháng đối với tiền vay gốc 100.000.000

đồng; Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả nợ lãi 60.080.000 đồng thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả 10%/năm theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Bé T1 có nghĩa vụ liên đới chịu 8.004.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đặng Đình L 3.952.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu tiền số 0008935 ngày 22/10/2025 và 0010347 ngày 31/10/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9-Tây Ninh;
- Phòng THADS KV9-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh